TÒA ÁN ND QUẬN LIÊN CHIỂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*Bản án số: **91**/2024/HNGĐ-ST*
Ngày 26 tháng 12 năm 2024
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

***

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU TP ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Nguyễn Thi Thi

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Chi

2. Ông Nguyễn Văn Cơ

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Thái Trâm Anh - Cán bộ Toà án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu – thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Vương – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại Hội trường xét xử, Toà án nhân dân quận Liên Chiểu thành phố Đà Nẵng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 456/2024/TLST-HNGĐ ngày 29/10/2024, về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 456/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 202 4; Quyết định hoãn phiên toà số 70/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12/12/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn Hổ L, sinh năm 1975; Địa chỉ: Tổ A C, thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích L1, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số B N, tổ B phường H, quận L, TP Đà Nẵng. Vắng mặt lần 02 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện gởi đến Tòa án, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Văn Hổ L trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn Hổ L xác nhận ông và bà Nguyễn Thị Bích Liên kết H năm 2014, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Quảng Nam, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống ông L cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vả, bà L1 hay ghen tuông vô cớ, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân hơn 01 năm. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn

nhân không đạt được nên ông Trần Văn H1 Lạc yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích L1;

- Về con chung: Ông Trần Văn H1 Lạc xác định vợ chồng có 01 con chung tên là Trần Phúc N, sinh ngày 02/7/2015. Ly hôn ông L có nguyện vọng giao con chung cho bà L1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, ông L cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000đ/tháng cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Tuy nhiên tại đơn xin xét xử vắng mặt, ông L thay đổi yêu cầu tự nguyện đề nghị cấp dưỡng nuôi con số tiền 5.000.000đ/tháng cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Ông Trần Văn Hổ L xác định vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Trần Văn Hổ L xác định vợ chồng không có.

* Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn không có ý kiến gì và không có mặt tại phiên họp và hòa giải. Đương sự không yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ; Không yêu cầu Tòa án triệu tập ai.

* Qua xác minh tại địa phương thể hiện: Qúa trình chung sống ông L, bà L1 có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do đâu địa phương không rõ, trên thực tế 02 vợ chồng không sống chung với nhau. Về con chung ông L và bà L1 có 01 con chung là Trần Phúc N, sinh ngày 02/7/2015.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, việc giải quyết vụ án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó đề nghị HĐXX xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

- Về quan điểm đối với việc giải quyết vụ án: Đối với yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung của ông Trần Văn H1 Lạc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 58, 81

Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận. Đề nghị HĐXX xử cho ông Trần Văn H1 Lạc ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích L1; Về con chung: ông bà có 01 con chung tên là Trần Phúc N, sinh ngày 02/7/2015. Ly hôn, ông L có nguyện vọng giao con cho bà L1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Ông L cấp dưỡng nuôi con số tiền 5.000.000đ/tháng. Xét yêu cầu của ông L là tự nguyện, bà L1 cũng không có ý kiến gì về việc này do đó đề nghị HĐXX chấp nhận; Về tài sản chung: Ông Trần Văn Hổ L xác nhận tự thỏa thuận và bà Nguyễn Thị Bích L1 không có ý kiến gì nên đề nghị HĐXX không xem xét, giải quyết; Về nợ chung: Ông Trần Văn Hổ L xác nhận không có và bà Nguyễn Thị Bích L1 không có ý kiến gì nên đề nghị HĐXX không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiêntòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L1 có cư trú tại quận L, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Nguyễn Thị Bích L1 vẫn vắng mặt không có lý do; Riêng nguyên đơn ông Trần Văn Hổ L đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L1, ông L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn Hổ L và bà Nguyễn Thị Bích Liên kết H năm 2014, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Quảng Nam, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống ông L cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vả, bà L1 hay ghen tuông vô cớ, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân hơn 01 năm. Do đó, ông Trần Văn H1 Lạc đề nghị được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích L1. Qua xác minh tại địa phương được biết mâu thuẫn của vợ chồng là có thật. Trong quá trình giải quyết vụ án, tại các phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà L1 đều vắng mặt và cũng không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của ông L. Điều này thể hiện bà Liên hoàn T không có thiện chí muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Trần Văn Hổ L đối với bà Nguyễn Thị Bích L1.

[2.2] Về con chung: Ông Trần Văn Hổ L và Bà Nguyễn Thị Bích L1 có 01 con chung tên là Trần Phúc N, sinh ngày 02/7/2015. Ly hôn, ông L có nguyện vọng giao con cho bà L1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Tại đơn khởi kiện ban đầu ông Lạc đề N1 cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000đ/tháng, tuy nhiên tại phiên toà hôm nay, ông L có đơn xin vắng mặt đồng thời trình bày nguyện vọng được cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 5.000.000đ/tháng cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Xét đây là sự tự nguyện của ông L, đồng thời con chung là cháu N cũng có nguyện vọng được ở với mẹ do ông L quá bận rộn, không có thời gian chăm sóc con. Do đó căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao cháu Trần Phúc N, sinh ngày 02/7/2015 cho bà Nguyễn Thị Bích L1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ông Trần Văn Hổ L phải cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ/tháng cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 01/2025, vào ngày 05 hàng tháng.

[2.3] Về tài sản chung: Ông Trần Văn H1 Lạc xác nhận ông và bà Nguyễn Thị Bích L1 tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết, bà L1 cũng không có ý kiến gì nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Ông Trần Văn Hổ L xác nhận ông và bà Nguyễn Thị Bích L1 không có, bà L1 cũng không có ý kiến gì nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Ông Trần Văn Hổ L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 điều 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "Ly hôn, nuôi con chung" của ông Trần Văn Hổ L đối với bà Nguyễn Thị Bích L1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn Hổ L, sinh năm 1975 được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích L1, sinh năm 1975.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 67 ngày 02/12/2014 của UBND thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Quảng Nam không còn giá trị kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật).

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Trần Phúc N, sinh ngày 02/7/2015 cho bà Nguyễn Thị Bích L1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Ông Trần Văn Hổ L phải cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 01/2025, vào ngày 05 hàng tháng.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Ông Trần Văn Hổ L phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008989 ngày 29/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.

Ông Trần Văn Hổ L phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí cấp dưỡng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- UBND P.Hoà Khánh Nam;
- Hồ sơ vụ án.

Trần Nguyễn Thi Thi